

Bản án số: 185/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-06-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy
Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2025/QĐXX-ST ngày 13/06/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Văn T, sinh ngày 11/02/1992 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024092017xxx

Nơi cư trú: thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn thị X, sinh ngày 20/02/1992 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 019192010xxx

Nơi cư trú: thôn S, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Anh T, chị X ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng cho chị Lê Thị D, sinh năm 2002; Nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện P, tỉnh N.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nông Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị X được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị X về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Về sau bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Nay anh thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn thị X.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung là cháu Nông Nhật A, sinh ngày 13/07/2012 và cháu Nông Nhật T, sinh ngày 02/02/2019. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị X và ông G tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh T. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu A, T cho chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị X về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị X không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Nguyễn thị X (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị trình bày giống anh T đã trình bày. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nông Nhật A, sinh ngày 13/07/2012 và cháu Nông Nhật T, sinh ngày 02/02/2019. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị và ông G (ông ngoại) tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu A, T cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về Việt Nam sinh sống.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, T cho chị X cho đến khi chị X về nước

sinh sống. Ông xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, T từ trước cho đến nay vừa quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu nên không yêu cầu chị X, anh T phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ trước đến nay cũng như trong thời gian tới.

Cháu Nông Nhật A trình bày: Cháu và em hiện đang sinh sống cùng mẹ tại nhà ông bà ngoại tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh T. Quá trình chung sống cháu và em được mẹ, ông bà ngoại chăm sóc cẩn thận, chu đáo, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, chúng cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Mẹ cháu hiện vẫn sinh sống và làm việc tại nước ngoài, nhưng ngày nào cũng gọi điện hỏi thăm và dạy cháu học. Do cháu sinh sống cùng ông bà ngoại từ lâu, cuộc sống đang ổn định nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại.

Tại phiên tòa, anh T, chị X, ông G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị X, ông G, cháu A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị X và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T là nguyên đơn, chị X là bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú tại tỉnh B. Chị X hiện đang lao động tại Đài Loan. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về hôn nhân: Anh T và chị X kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh B. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung

sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị X. Chị X cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị X, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản tự khai anh T, chị X đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài. Mặc dù, anh T, chị X đã chủ động nói chuyện để vợ chồng hàn gắn tình cảm và hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị X, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị X là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là cháu Nông Nhật A, sinh ngày 13/07/2012 và cháu Nông Nhất T, sinh ngày 02/02/2019. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị X và bố mẹ đẻ chị X (ông G) tại Thái Nguyên. Sau ly hôn anh T, chị X đều đề nghị giao cháu A, T cho chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị X về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh T, chị X, Hội đồng xét xử thấy: chị X hiện nay đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, ông G là bố đẻ chị X đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, T thay chị X cho đến khi chị X về nước sinh sống. Ngoài ra, cháu A, T hiện nay đang sinh sống ổn định cùng ông G, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, cháu A trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ và ông ngoại nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao cháu A, T cho chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của anh T, chị X. Tuy nhiên do chị X đang lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cháu A, T cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Nông Văn T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T, chị X, ông G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ khi chị X, anh T đi lao động nước ngoài cho đến nay: Ông G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh T, chị X không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T, ông G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị X đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nông Văn T được ly hôn chị Nguyễn thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Nhật A, sinh ngày 13/07/2012 và cháu Nông Nhật T, sinh ngày 02/02/2019 cho chị Nguyễn thị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Văn G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị Nguyễn thị X về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nông Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005777 ngày 03/06/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nông Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nông Văn T, ông Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh B;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc